

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **265/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 23/5/2023

V/v tranh chấp “Xin Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Hồng**.

Các Hội thẩm F F dân: 1. Ông **Trần Văn Bé Ba**.

2. Ông **Võ Trọng Nghĩa**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên** – Thư ký Tòa án F dân huyện A, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát F dân huyện A tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mỹ G - KSV**.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án F dân huyện A xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 113/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp “Xin Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Hồ B**, sinh năm 1978 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp E, xã D, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp L, xã D, huyện A, Tiền Giang.

*** Bị đơn:** Ông **Trần Văn C**, sinh năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp E, xã D, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn ly hôn, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Hồ B** trình bày:

Bà và ông **Trần Văn C** chung sống với nhau 1997 và có đăng ký kết hôn được Ủy ban F dân xã D, huyện A, Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 91/2001 ngày 23/3/2001. Sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau thường xuyên tranh cãi, ông C bạo lực gia đình, đánh đập chửi mắng bà B, ông bà đã sống ly thân từ đầu tháng 5/2022 đến nay, nay bà nhận thấy hôn nhân không thể kéo dài, không khả năng hàn gắn, tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông **Trần Văn C**.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Hoài F, sinh ngày 06/7/2001 và Trần Thị Mỹ G, sinh ngày 14/11/2006. Cháu Trần Hoài F đã trưởng thành. Bà Nguyễn Thị Hồ B yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Mỹ G, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Theo bị đơn ông Trần Văn C trình bày: Ông thống nhất với bà B về tình trạng hôn F và nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông không có đánh vợ. Nay ông không đồng ý ly hôn để gia đình trọn vẹn, con cái có đủ cha, mẹ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Hoài F, sinh ngày 06/7/2001 và Trần Thị Mỹ G, sinh ngày 14/11/2006. Cháu Trần Hoài F đã trưởng thành. Nếu Toà cho ly hôn, ông đồng ý giao con chung Mỹ G cho bà B được tiếp tục nuôi dưỡng, ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Hồ B vẫn giữ ý yêu cầu khởi kiện ông Trần Văn C, cho bà được ly hôn với ông, giải quyết vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung theo đơn khởi kiện.

* Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến phát biểu: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân ông C, bà B mâu thuẫn trầm trọng, sống ly thân từ năm 2022 nhưng không thể hàn gắn. Bà B cho rằng ông C đánh đập bà nhưng bà không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh, tại toà ông C thừa nhận có bạo lực với bà B nhưng đã lâu và do nóng giận, xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà B được ly hôn với ông C.

+ Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Hoài F, sinh ngày 06/7/2001 và Trần Thị Mỹ G, sinh ngày 14/11/2006. Cháu Trần Hoài F đã trưởng thành. Bà Nguyễn Thị Hồ B yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Mỹ G, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Nhận thấy cháu G từ nhỏ sống với mẹ, có cuộc sống ổn định và có nguyện vọng được sống cùng bà B, do đó cần tiếp tục giao cháu G cho bà B nuôi dưỡng. Ông Trần Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con do bà B không yêu cầu.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Căn cứ vào yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hồ B về việc tranh chấp “ly hôn” với ông Trần Văn C thuộc trường hợp được quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 và điểm b, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

[2] Về hôn nhân: Qua lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

Bà Nguyễn Thị Hồ B và ông Trần Văn C chung sống với nhau vào năm 1997 và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã D, huyện A, Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 91/2001 ngày 23/3/2001. Quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên F là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau thường xuyên tranh cãi, ông C bạo lực gia đình, ông bà đã sống ly thân từ cuối tháng 4/2022 đến nay. Nay bà nhận thấy không thể hàn gắn, tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông C. Ông Trần Văn C cho rằng thống nhất với bà B về tình trạng hôn F, tuy nhiên ông không có đánh đập vợ con, ông không đồng ý ly hôn với bà B vì ông muốn gia đình trọn vẹn, con cái có cha, có mẹ. Tại phiên tòa, ông C thừa nhận có bạo lực với bà B trong lúc nóng giận, không nhận thấy lỗi lầm và đưa ra biện pháp hàn gắn, Hội đồng xét xử xác định, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông C, bà B đã trầm trọng, do đó mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà B là phù hợp với quy định của pháp luật do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Hoài F, sinh ngày 06/7/2001 và Trần Thị Mỹ G, sinh ngày 14/11/2006. Cháu Trần Hoài F đã trưởng thành.

Cháu Trần Thị Mỹ G, sinh ngày 14/11/2006. Cháu G đang sống với bà B và cháu G cũng có nguyện vọng được sống với mẹ, do đó để con chung phát triển tốt, có cuộc sống ổn định nên cần tiếp tục giao con chung cho bà B nuôi dưỡng, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồ B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Từ những nhận định trên và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu quan điểm là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36; điểm b, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về áp dụng án phí, lệ phí.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồ B.

[1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồ B được ly hôn với ông Trần Văn C.

[2] Về con chung: Cháu Trần Hoài F, sinh ngày 06/7/2011 đã trưởng thành.

Giao con chung Trần Thị Mỹ G, sinh ngày 14/11/2006 cho bà Nguyễn Thị Hồ B tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Ông Trần Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con do bà B không có yêu cầu.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồ B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0025678 ngày 24/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Tiền Giang.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

-TAND Tỉnh TG;

-VKSNDHCG-TG

-Chi cục THADSHCG;

-Những người tham gia tố tụng;

-Lưu.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh Hồng